



Tóm tắt kết quả tập huấn

RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ LIÊN QUAN ĐẾN ĐẤT ĐAI - NHẬN DIỆN RỦI RO, CƠ CHẾ PHÒNG NGỪA, KHẮC PHỤC VÀ XỬ LÝ KHỦNG HOẢNG

Đà Nẵng, 19-20 tháng 7 năm 2018

I. THÔNG TIN CHUNG

Mục tiêu tập huấn: (i) Nâng cao nhận thức về các rủi ro liên quan đến đầu tư đất đai đặt trong bối cảnh pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế: quyền sở hữu – sử dụng đất đai; quyền đất đai, tiếp cận dựa trên nhân quyền về vấn đề đất đai; thu hồi – bồi thường đất đai; (ii) Kinh nghiệm một số mô hình quản lý rủi ro; (iii) Xử lý khủng hoảng truyền thông liên quan đến đất đai; (iv) Xây dựng kế hoạch để giảm thiểu rủi ro và xử lý khủng hoảng cho Doanh nghiệp.

Địa điểm: Khách sạn Sài Gòn Tourane, Tp.Đà Nẵng

Thời gian thực hiện: Từ 19-20/07/2018

Link [Chương trình và tài liệu tập huấn](#)

Thành phần tham gia: 26 đại biểu, trong đó có 3 khách mời, 3 cán bộ PanNature và 22 đại biểu doanh nghiệp (gồm lãnh đạo các doanh nghiệp, tập đoàn; cán bộ môi trường, cán bộ kỹ thuật, giám đốc nông trường và nhà máy; cán bộ phụ trách xây dựng kế hoạch, chiến lược và truyền thông) . (Tham khảo [phụ lục 2](#))

II. KẾT QUẢ TẬP HUẤN VÀ THẢO LUẬN

2.1 Nhận diện rủi ro liên quan đến đất đai

Các chuyên gia chia sẻ và tham gia đối thoại:

- i. GS. TSKH. Đặng Hùng Võ – Nguyên Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, trao đổi về “*Quyền đất đai: nhìn từ góc độ so sánh pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế*”
- ii. TS. Huỳnh Thế Du – Giám đốc Đào tạo, Đại học Fulbright Việt Nam trao đổi về “*Gốc rễ của tranh chấp đất đai nhìn từ kinh nghiệm quốc tế và Việt Nam*”

Bên cạnh giới thiệu một số kiến thức nền tảng về quản trị đất đai, hai chuyên gia đưa ra nhiều phân tích và quan điểm về rủi ro trong quản lý và đầu tư đất đai ở Việt Nam, một số lời khuyên dành cho doanh nghiệp. Dưới đây là các nội dung, thông điệp nổi bật:

1. Tài nguyên đất đai đóng vai trò quan trọng đối với phát triển

Đất đai là nguồn tài nguyên đặc biệt, không giống đa số tài nguyên thông thường khác, hầu như không có khả năng tái tạo, đất đai có khả năng tái tạo (trừ sự cố như sạt lở...). Nó vẫn tồn tại sau khi sử dụng (nhất là đất nông nghiệp), không bị tiêu hao. Đất đai gắn với trái đất, việc chiếm hữu đất đai một cách tuyệt đối là không thể.

Đối với nông nghiệp, đất đai là tư liệu sản xuất, đối với phi nông nghiệp đó là vị trí/địa bàn, với nhu cầu sinh sống, đất đai là tư liệu sinh hoạt.

Quan điểm “đất đai là hàng hóa hay không” rất khác nhau giữa các trường phái. K.Mark cho rằng đất đai không là hàng hóa vì không do con người tạo ra, trong khi khối tư bản cho rằng đất đai và bất cứ thứ gì có thể mua bán đều là hàng hóa.

Vai trò của đất đai đối với sự phát triển của quốc gia được nhìn nhận khác nhau trong từng giai đoạn. Ở giai đoạn đầu của công nghiệp hóa, đất đai được coi là nguồn gốc của phát triển và quyết định sự phát triển¹. Ngày nay, đất đai không còn là yếu tố quyết định song vẫn giữ vai trò quan trọng đối với phát triển. Vì vậy, nếu không tận dụng đặc thù của đất đai sẽ khó phát triển. Thậm chí, nếu vấn đề đất đai không được giải quyết tốt sẽ cản trở sự phát triển của quốc gia. Điều này đã từng xảy ra đối với các nước phát triển, trong thời kỳ phong kiến, việc địa chủ phát canh thu tô không thúc đẩy xã hội đi lên, do đó dẫn đến cải cách ruộng đất.

Trong thực tế, các nước đều phải làm cải cách ruộng đất, không chỉ các nước kém phát triển, tuy nhiên cách thức tiến hành có khác nhau. Khối tư bản theo hướng dần xếp, không dùng bạo lực (trừ Pháp), mặc dù lấy đất của địa chủ chia cho người dân song vẫn giữ vai trò và sự tham gia của tầng lớp này trong xã hội (tham gia nghị viện), trong khi các nước XHCH dùng bạo lực, cưỡng đoạt của địa chủ giao cho người nghèo.

2. Bối cảnh chung về sở hữu đất đai

Sở hữu đất đai (SHĐĐ) được đánh giá là một loại sở hữu đặc biệt, vì vậy cần có cách tiếp cận riêng. Có hai hướng tiếp cận SHĐĐ, công hữu hoặc tư hữu, tuy nhiên các quốc gia/nhóm quốc gia có các cách tiếp cận khác nhau, mức độ công hữu hoặc tư hữu có khác nhau. Tạm chia thành 4 nhóm:

Nhóm thứ nhất, gồm Mỹ và các nước phát triển Tây Âu (khối thịnh vượng chung), theo chế độ tư nhân hóa về SHĐĐ. Ở các nước này, mức độ tư nhân hóa gần như tuyệt đối, họ chia đất công – tư rõ rệt. Phần đất nào tư nhân hóa thì tư nhân hóa đất cao, còn lại là diện tích do Nhà nước quản lý và cũng quản lý rất chặt. Việc sử dụng đất công yêu cầu trình tự thủ tục rất phức tạp. Mỹ là quốc gia điển hình về tư nhân hóa đất đai.

Nhóm thứ hai, các nước tư bản châu Âu ngoài khối thịnh vượng, tiếp cận SHĐĐ theo hướng tư nhân hóa, nhưng mức độ tư nhân không tuyệt đối. Cộng đồng vẫn có một quyền nhất định đối với đất của tư nhân, chẳng hạn quyền địa dịch - quyền của chủ các thửa đất kề bên, VD: chủ thửa đất bên ngoài phải cho người bên trong đi qua. (Việt Nam có ghi nhận quyền này trong Bộ luật dân sự và Luật đất đai 2013).

Nhóm thứ ba, gồm các nước Đông Âu (trừ Nga có đặc thù riêng) trước đây theo XHCN cũ, sau này khi XHCN sụp đổ thì họ theo mô hình SHĐĐ của các nước Tây Âu.

Nhóm thứ tư, có 10 nước gồm Lào, Trung Quốc, Việt Nam, Cu Ba, Triều Tiên, Venezuela và 4 nước châu Phi, hiện nay theo chế độ công hữu về đất đai, tuy nhiên mức độ công hữu có khác nhau. Cu Ba và Triều Tiên theo mô hình Việt Nam trước đây, Nhà nước quyết định mọi vấn đề về đất đai, chưa có thị trường. Trung Quốc quy định đất nông nghiệp thuộc sở hữu tập thể (HTX tự quyết

¹ Lý thuyết của Adam Smith và David Ricardo (Anh) đều lấy đất đai là nguồn gốc cho phát triển, từ 2 nguồn đất công và thuế đất. Henri George, sau này cho rằng nên đánh thuế đất và thực hiện nhất thể hóa thuế đất đai để sử dụng đất đai hiệu quả. Nước Mỹ với bề dày lịch sử chỉ hơn 200 năm nhưng đã trở cường quốc, cũng bắt đầu từ đánh thuế đất.

định nội bộ, nhà nước không can thiệp), còn đất phi nông nghiệp thuộc sở hữu nhà nước và có quy định thời hạn (đất ở khoảng 70 năm), trong thời hạn này, Nhà nước trích xuất quyền SHDD cho tư nhân. Trung Quốc không quy định quyền sử dụng đất như Việt Nam.

Việt Nam quy định sở hữu đất đai toàn dân. Quy định này rất chung chung, toàn dân nghĩa là “không của riêng ai”. Tuy nhiên, quyền SHDD được chuyển thành quyền sử dụng đất (SDĐ), có nghĩa đã được tư nhân hóa. Nói cách khác, về hình thức Nhà nước Việt Nam chưa thừa nhận sở hữu tư nhân về đất đai nhưng đã đưa ra chế độ tư hữu dưới dạng quyền. Việc Nhà nước thừa nhận quyền đối với tài sản của tư nhân về đất đai giúp đất đai có thể vận hành theo thị trường. Mặc dù vậy, cơ sở lý luận về đất đai ở Việt Nam chưa được mạch lạc.

Việt Nam nên theo áp dụng hình thức SHDD nào?

Gs. TSKH. Đặng Hùng Võ cho biết không chỉ ở Việt Nam mà nhiều nước trên thế giới vẫn có tình trạng Nhà nước chiếm dụng đất đai. Điều này có nghĩa ở hầu hết các quốc gia không có sở hữu tư nhân tuyệt đối, hay công hữu tuyệt đối về đất đai, chỉ có hình thức sở hữu tư nhân bị hạn chế hay hình thức công hữu mở rộng (chẳng hạn, trao quyền sử dụng cho người dân như ở Việt Nam). Cần hiểu điều này để tránh suy xét cực đoan. Hầu hết các nước trên thế giới (khoảng 190 nước) đang thực hành sở hữu tư nhân (hạn chế) về đất đai nghĩa là họ đã có bề dày kinh nghiệm, Việt Nam nên tham khảo cách làm theo số đông này.

3. Tranh chấp đất đai và những nguyên nhân sâu xa

Cả hai chuyên gia đều cho rằng nguồn gốc tranh chấp đất đai phổ biến như hiện nay ở Việt Nam không do chế độ sở hữu đất đai, mà nằm ở hệ thống pháp luật và thực thi.

Gs. Võ cho rằng có nhiều yếu tố liên quan đến luật pháp như luật không quy định rõ ràng, không sát với thực tế², hay giữa hệ thống pháp luật và thực thi có sự vênh, đều là những nguyên nhân dẫn đến tranh chấp đất đai.

Một ví dụ thực tiễn, trước đây, theo Nghị định 181/2004 (hướng dẫn Luật đất đai 2003) quy định chỉ Tòa án mới có quyền thu hồi giấy chứng nhận QSD đất của người đang sử dụng đất ổn định được Nhà nước công nhận. Tuy nhiên, do phản hồi của các địa phương, Nghị định 84/2007 ban hành đã bãi bỏ quy định này, thay vào đó, cho phép địa phương có quyền thu hồi giấy chứng nhận QSD đất nếu thanh tra địa phương kết luận có việc cấp sai.

Có thể nói đây là một bước thụt lùi, vì thiếu đi tính chặt chẽ về luật pháp và luẩn quẩn về quản lý, cơ quan nhà nước “vừa đá bóng vừa thổi còi”. Lẽ ra cơ quan cấp đất sai phải chịu trách nhiệm, thậm chí phải bồi thường, nay họ lại được giao thẩm quyền thu hồi giấy phép do chính họ đã cấp sai. Điều này cho thấy tính thiếu chắc chắn về pháp lý của giấy chứng nhận QSD đất. Trong trường hợp này, pháp luật chưa bảo hộ được quyền và lợi ích cho người dân – một yêu cầu tối thiểu đối với luật, cho nên dễ dẫn đến mâu thuẫn và xung đột.

² Theo quan điểm của GS.Võ, luật pháp phải “chở” được cuộc sống, nhà làm chính sách cần đưa cuộc sống vào luật pháp, chứ không phải đưa luật pháp vào cuộc sống.

Đồng thời, Nhà nước cần phải xem lại cách tiếp cận về đất đai, hiện nay mới chỉ tiếp cận giá trị, chưa quan tâm đến góc độ lợi ích, trong khi nguồn gốc của tranh chấp luôn xuất phát từ lợi ích. Do đó, cần lập lại sự công bằng về lợi ích trong đất đai. Hay nói cách khác, nên phân tích xem lợi ích cần được chia sẻ như thế nào là hợp lý. Có thể rút ra các bài học từ chính sách thu hồi và đấu giá đất đô thị hóa của các thành phố lớn như Đà Nẵng, tp. Hồ Chí Minh vừa qua.

Ba trường hợp tranh chấp đất đai phổ biến hiện nay: i) Đất cũ đòi lại (đặc biệt xảy ra nhiều ở miền Nam, Nhà nước sung công hoặc mượn đất người dân), ii) Đất quốc phòng; iii) Đất Nông lâm trường (nay là Công ty nông lâm nghiệp). Trường hợp tranh chấp thứ nhất đã xử lý được phần lớn, tuy nhiên hai trường hợp còn lại rất khó giải quyết do khi giao đất, ranh giới không được xác định rõ, đồng thời quá trình quản lý lệch lạc, có nhiều sai phạm. GS. Võ cho rằng trong lần sửa đổi luật đất đai sắp tới, cần làm rõ thẩm quyền thu hồi đất đai của Nhà nước đến đâu.

Cùng quan điểm với GS. Võ, TS. Huỳnh Thế Du cho rằng nguyên nhân sâu xa của tranh chấp đất đai không phụ thuộc vào hình thức sở hữu đất đai ra sao. Ngay cả ở những nước áp dụng SHTN về đất đai như Hoa Kỳ, số lượng tranh chấp đất đai cũng rất lớn. Mỹ có khoảng 7,5 triệu tranh chấp đất đai trong khi Việt Nam có khoảng 5 triệu, xét về tỉ lệ dân số cũng tương đương nhau. Nguyên nhân tranh chấp nằm ở giá trị đất đai và việc thu hồi, đền bù được tiến hành như thế nào. Các yếu tố tác động mạnh mẽ chính là tâm lý đòi hỏi của người dân và tham nhũng, câu kết nảy sinh.

TS. Du cho rằng việc duy trì được lòng tin của người dân đối với Nhà nước là rất quan trọng. Khi lòng tin suy giảm thì chính quyền làm gì người dân cũng hoài nghi. Do đó, cần lấy lại lòng tin và tạo cơ hội tham gia thực chất cho người dân. Cần thúc đẩy “phát triển bao trùm”, phát triển thực chất hơn là phát triển mang tính hình thức. Không thể để tiếp diễn những bất công như thu hồi đất nông nghiệp của người dân với giá bồi thường thấp rồi chuyển sang đất thương mại bán giá cao. Nếu “phát triển bao trùm” chưa có được thì tranh chấp vẫn còn tiếp tục dai dẳng.

Kinh nghiệm của các nước công nghiệp mới cho thấy Hàn Quốc là một nước có chính sách đất đai phù hợp với quá trình phát triển công nghiệp và đã thành công. Chẳng hạn, họ quy định người dân có đất trong vùng đô thị hóa phải đóng góp 40% đất của mình, không có bồi thường gì cả. Họ tiến hành đô thị hóa rất nhanh và nguồn lực từ người dân chứ không từ nhà nước, vốn ODA hay từ bên ngoài khác.

Luật pháp - Luật tục và vấn đề người DTTS

Luật tục được xây dựng dựa trên vốn xã hội, trong đó chứa đựng giá trị lớn về tinh thần, lòng tin. Luật tục có ý nghĩa lớn lao đối với cộng đồng, song đôi khi chưa được xã hội hiểu và đánh giá đúng. Trong lĩnh vực đất đai, có 2 nội dung mang tính luật tục rất mạnh, đó là đất của cộng đồng và đất của hộ gia đình.

Pháp luật Việt Nam thừa nhận đất ở của hộ gia đình là vô thời hạn (không phải quốc gia nào cũng công nhận điều này). Đây là ví dụ điển hình về việc pháp luật trùng với luật tục, phù hợp với mong muốn của người dân.

Tuy nhiên trong nhiều trường hợp, pháp luật không trùng với luật tục hoặc chưa thừa nhận luật tục, đặc biệt là luật tục của người dân tộc thiểu số (DTTS), dẫn đến các mâu thuẫn về đất đai. Đồng bào DTTS rất coi trọng chủ quyền của cộng đồng đối với đất rừng. Họ có thể chưa biết đến các quy định của pháp luật nhưng nắm rất rõ và tuân thủ nghiêm túc các luật tục. Song các luật tục này chưa được thừa nhận trong nhiều văn bản luật của Nhà nước trước đây. Điều này dẫn đến tranh chấp đất đai phổ biến và kéo dài giữa các nông lâm trường và người dân địa phương.

Theo đánh giá của các chuyên gia, luật tục không chỉ có ý nghĩa gìn giữ truyền thống văn hóa của người DTTS mà còn có ý nghĩa an ninh quốc phòng đối với nhiều nơi, tuy nhiên, tầm quan trọng này nhiều khi chưa được đánh giá đúng.

Chuyên gia khuyên các doanh nghiệp khi đầu tư vào đất đai của người DTTS cần lưu ý đến văn hóa và luật tục của đồng bào tại chỗ. Cần phải đảm bảo tôn trọng cả hai yếu tố luật pháp quốc gia và luật tục địa phương, cần đánh giá xem luật tục đó đã được đưa vào luật pháp hay chưa. Nếu có sự vênh thì vẫn còn nguy cơ xảy ra tranh chấp.

Đồng thời, doanh nghiệp cần đặt ra mục tiêu và cách tiếp cận bền vững, cần hiểu người dân và bám rễ vào cộng đồng, xây dựng lòng tin của cộng đồng, thể hiện với cộng đồng doanh nghiệp không có mưu đồ gì trong vấn đề thu hồi đất đai. Khi có được lòng tin của cộng đồng, doanh nghiệp sẽ có được nhiều lợi thế cạnh tranh. Ngược lại, nếu doanh nghiệp không gần với cộng đồng, chỉ dựa vào pháp luật và ý vào quan hệ với chính quyền địa phương để bảo vệ quyền sử dụng đất của mình trong đầu tư, trong trường hợp xảy ra tranh chấp hoặc sự cố, doanh nghiệp sẽ bị thiệt hại không nhỏ.

Các nhà đầu tư cũng không nên kỳ vọng quá nhiều vào các ưu đãi về thuế đất và giá đất từ quốc gia nhận đầu tư vì đây không phải là những ưu đãi cơ bản, đôi khi có tính rủi ro cao khi các chính sách của quốc gia nhận đầu tư không có tính ổn định.

Trong vùng hạ lưu Mekong, Lào có bối cảnh tương đối giống Việt Nam, chính sách đất đai dựa trên công hữu, Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất của người dân, chính quyền có tác động lớn đối với đầu tư, luật tục của đồng bào DTTS hầu như chưa được đưa vào luật pháp, v.v. Tuy nhiên, ở Cam-pu-chia bối cảnh thể chế có khác biệt, tranh chấp đất đai cũng diễn ra thường xuyên hơn so với Lào.

Các nhà đầu tư cũng cần quan tâm đến vấn đề người DTTS, người bản địa tại quốc gia nhận đầu tư, quan điểm của nước chủ nhà về vấn đề này, các cam kết và chính sách cho người DTTS, người bản địa. Đồng thời, doanh nghiệp cần tham khảo và tuân thủ một cách phù hợp Tuyên bố LHQ về quyền của người bản địa³ - một công ước quốc tế mà Việt Nam và các nước trong khu vực đã ký cam kết tham gia.

2.2 Kinh doanh và nhân quyền: Bối cảnh và xu hướng quốc tế

Trình bày: Bà Nguyễn Hoàng Phượng – Cán bộ Nghiên cứu và chính sách Trung tâm Con người và Thiên nhiên

³ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Tuyen-ngon-ve-quyen-cua-cac-dan-toc-ban-dia-2007-276380.aspx>

Có một thực tế, trong xã hội hiện đại, doanh nghiệp đang bị xã hội nhìn nhận như những thủ phạm gây ra những vấn đề về môi trường và xã hội. Điều này không phải không có căn cứ vì quốc tế đã có những câu chuyện điển hình và những bài học đau xót, chẳng hạn như câu chuyện về căn bệnh Minamata (ở Nhật Bản) người dân mắc phải khi ăn cá ở vùng biển bị doanh nghiệp xả thải. Đây được coi là thảm họa thời bình khủng khiếp nhất của Nhật Bản. Quốc gia này mất khoảng 50 năm để giải quyết sự cố và làm sạch vịnh Minamata, hoặc như sự cố Bhopal ở Ấn Độ liên quan đến nhà máy phân bón của Mỹ, câu chuyện kim cương máu ở châu Phi gắn với các công ty khai thác kim cương, vụ việc săn bắt cá heo ở vịnh Taiji Nhật Bản gắn với chuỗi kinh doanh thịt cá heo, cá voi ở Nhật Bản và nhiều nước trên thế giới. Các thảm họa này đều bị lên án và gắn với các chiến dịch tẩy chay rộng khắp.

Ở một mặt khác, doanh nghiệp đang đóng góp rất lớn cho xã hội về mặt kinh tế. Trong bảng xếp hạng 100 nền kinh tế lớn nhất thế giới, chỉ có 31 quốc gia, 69 thành viên còn lại là các tập đoàn lớn. Có những tập đoàn doanh thu lớn hơn cả GDP của một số nước lớn. Với đóng góp ngày càng lớn như vậy, sức ép đối với doanh nghiệp ngày càng tăng là tất yếu. Đồng thời, quy mô quá lớn cũng là một thách thức để giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường đi kèm. Đó là lý do vì sao NGO tập trung nhiều vào vấn đề môi trường của doanh nghiệp.

Theo các cơ chế khởi kiện và giải quyết khiếu kiện hiện nay của quốc tế, quốc gia và các thể chế tài chính, số vụ khiếu kiện được giải quyết và mang lại công bằng cho người dân chỉ mang tính nhỏ giọt, trong khi thể mạnh vẫn nghiêng về doanh nghiệp. Vậy các NGO đã làm gì?

Theo bản đồ tranh chấp đất đai của thế giới, Mekong là một trong những điểm nóng. Số liệu quốc tế cũng cho thấy hàng năm có một số lượng không nhỏ các nhà hoạt động vì môi trường bị ám sát. Trong khu vực Mekong, số vụ xảy ra nhiều nhất ở Phillippines. Điều này lý giải vì sao mối quan hệ giữa doanh nghiệp và các NGO có sự căng thẳng.

Xu hướng tiếp cận hiện nay của quốc tế là thúc đẩy vai trò của khối tư nhân trong bảo vệ nhân quyền thông qua: i) Tăng cường các quy định về BVMT-XH trong các hiệp định và hợp tác thương mại cấp chính phủ; ii) Tăng cường trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp thông qua các chính sách an toàn áp dụng đối với vốn vay, các sáng kiến như EITI trong ngành khai khoáng, áp dụng hướng dẫn đối với doanh nghiệp của OCED; iii) Xây dựng các sáng kiến quốc tế hợp tác với khối tư nhân (chẳng hạn chương trình UN Global Compacts, Chứng chỉ rừng bền vững FSC, Rainforest stewardship, v.v.); iv) Thúc đẩy CSR của doanh nghiệp (bắt buộc hoặc tự nguyện), v) Áp dụng các cơ chế giải quyết tranh chấp trong quốc gia và xuyên quốc gia; vi) Dùng pháp luật quốc tế và các cơ chế của LHQ, chẳng hạn UB nhân quyền LHQ (UNHRC, ILO).

Thực tế cho thấy các NGO tận dụng báo chí, công luận và quyền lực của người tiêu dùng để gây áp lực để thúc đẩy trách nhiệm của doanh nghiệp.

Hiện có 4 cơ chế giải quyết tranh chấp, trong đó các cơ chế tố tụng (giải quyết thông qua tòa án) và hòa giải/trọng tài đều liên quan đến Nhà nước và áp dụng khó.

Các NGO thường sử dụng hai cơ chế còn lại là thông qua kênh quốc tế (chẳng hạn qua Cao ủy nhân quyền LHQ UNHCR, từ đó gây áp lực lại với quốc gia và với công ty) hoặc cơ chế phi nhà nước khác (chẳng hạn các cơ chế CAO của IFC, FSC, OECD, ADB, Bon Sucro v.v.)

Trường hợp Hoàng Anh – Gia Lai (HAGL) đầu tư tại Ratanakiri: HAGL vay tiền IFC qua quỹ Dragon Capital. Khi Global Witness đưa ra báo cáo cáo buộc HAGL thu hồi đất của người dân, các tổ chức NGO và người dân đã gửi khiếu nại qua cơ chế khiếu nại của CAO. Qua nhiều vòng đàm phán, đến tháng 7/2018, HAGL đã phải trả lại một phần đất cho người dân. Điều đó cho thấy các cơ chế phi chính thức (ngoài nhà nước) cũng có thể tác động trực tiếp đến doanh nghiệp.

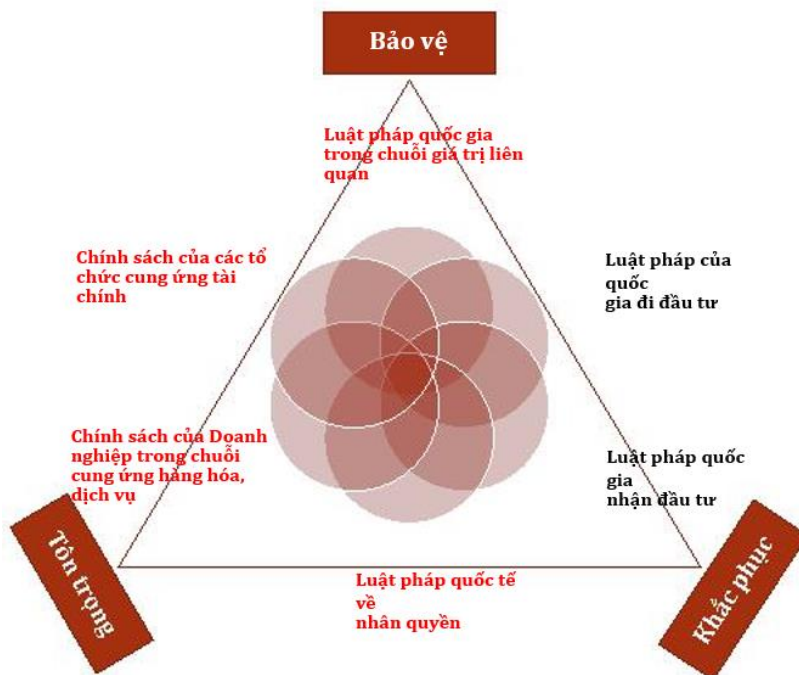
Trong bối cảnh hiện nay, chứng chỉ rừng bền vững nói chung và FSC nói riêng đang được các doanh nghiệp cao su rất quan tâm do liên quan đến thương mại gỗ. Các cơ chế này gắn liền với các vấn đề môi trường và xã hội tại các quốc gia nhận đầu tư Lào và Campuchia.

Chính sách của doanh nghiệp?

Cần xác định trách nhiệm của doanh nghiệp như thế nào, trách nhiệm đến đâu. Trong mô hình kim tự tháp về trách nhiệm của doanh nghiệp, xét từ dưới lên, trách nhiệm trước hết của doanh nghiệp là kinh tế, tạo ra lợi nhuận. Ở các bậc cao hơn, đó là các trách nhiệm về tuân thủ pháp luật, trách nhiệm đạo đức, trách nhiệm lan tỏa giá trị XH (mạnh thường quân).

Có 4 cấp độ doanh nghiệp có thể tiếp cận về trách nhiệm MT và XH, gồm: Tự nguyện – Tuân thủ hoặc Giải trình – Quy định hoặc Tuân Thủ/Giải trình – Bắt buộc. 4 cấp độ tiếp cận này ngày được xếp loại giảm dần về tính linh hoạt trong áp dụng nhưng tăng dần về tác động

Hướng dẫn kinh doanh và nhân quyền của Liên hợp quốc đưa ra mô hình ba trụ cột (xem hình). Đó là các trụ cột BẢO VỆ (thể hiện nghĩa vụ của Nhà nước phải bảo vệ công dân của mình thông qua triển khai hệ thống pháp luật và thực thi), TÔN TRỌNG (thể hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp phải tôn trọng người dân bị ảnh hưởng) và BỒI THƯỜNG (người dân có quyền đòi hỏi thường khi chịu tác động tiêu cực từ việc đầu tư). Các nguyên tắc này đã được thừa nhận chung.



Các nguyên tắc hướng dẫn của LHQ về kinh doanh và nhân quyền

Nguyên tắc “Tôn trọng” trong hướng dẫn về kinh doanh và nhân quyền của LHQ không chỉ áp dụng trực tiếp đối với doanh nghiệp xuyên suốt chuỗi giá trị, bao gồm việc tôn trọng luật pháp quốc gia đi đầu tư, luật pháp của quốc gia nhận đầu tư, luật pháp quốc tế (Ngay cả khi những luật này chưa được nội luật hóa trong nước, nhà đầu tư vẫn phải tham chiếu và tôn trọng) và chính sách của doanh nghiệp liên quan đến chuỗi cung ứng hàng hóa và dịch vụ.

Phần lớn các tập đoàn lớn đều có chính sách nội bộ và chính sách áp dụng đối với nguồn cung ứng. Trong ngành cao su, các công ty sấm lốp như Goodyear, Bridgestone đều có những yêu cầu đối với các nhà cung ứng. Đây là một xu hướng ngày càng phổ biến đối với các tập đoàn lớn.

Ngay cả ở giai đoạn cấp vốn vay, các tổ chức tài chính cũng đã có sự can thiệp. Vừa qua, IFC đã hợp tác và hỗ trợ Ngân hàng nhà nước xây dựng và ban hành Chỉ thị 03/2015/CT-NHNN về thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng, trong đó yêu cầu các tổ chức tín dụng nghiên cứu xây dựng và triển khai các giải pháp quản lý rủi ro về môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng. Hay nói một cách khác, các tổ chức tài chính cũng đã coi các rủi ro về MT&XH đối với doanh nghiệp đầu tư là rủi ro đối với vốn vay.

Rủi ro pháp lý theo cơ chế quốc tế: Trường hợp công ty mía đường Thái Lan đầu tư ở Campuchia

Hai công ty mía đường Koh Kong Plantation Co. (KKPC) và Koh Kong Sugar Co. Ltd (KCSI) sản xuất đường tại Campuchia với 3 chủ đầu tư là Tập đoàn KSL (Thái Lan), Ve Wongs (Đài Loan) và Yong Phat (Campuchia). Năm 2010, ngay sau khi có một số lùm xùm, nhà đầu tư Campuchia Ly Yong Phat rút lui.

Cũng giống như ở nhiều nơi khác ở Lào và Campuchia, người dân đã khai hoang và sử dụng đất lâu năm, tuy nhiên, họ không được cấp giấy tờ. Vì vậy, khi thu hồi đất của người dân làm dự án, công ty chỉ đền bù tài sản và hoa màu trên đất, chứ không đền bù giá trị đất. Quá trình tái định cư đã vấp phải sự phản đối của người dân. Người dân cho rằng họ hoàn toàn bị thiệt hại khi các công ty này xuất hiện và khởi kiện hai công ty ra tòa án Campuchia. Vụ án đã kéo dài tới 5 năm không giải quyết được vì về mặt luật pháp không thể xử lý khi người dân không có giấy tờ đất đai. Người dân vẫn bị thiệt hại và công ty vẫn sản xuất bình thường.

Các NGO đã tìm hiểu về mạng lưới xung quanh 2 công ty này và được biết hầu hết sản phẩm được bán cho công ty Tate and Lyle của Anh theo một hợp đồng ký năm 2009 và có hiệu lực 5 năm. Việc mua bán này được hưởng cơ chế đặc biệt Everything but Arm. Đây là một sáng kiến EU ban hành năm 2001, áp dụng cho các nước nghèo nhất (trong đó có Campuchia) để bảo vệ lợi ích của các nước này trong thương mại quốc tế, theo đó EU miễn thuế, miễn hạn ngạch đối với sản phẩm nhập khẩu từ các quốc gia này, đồng thời quy định doanh nghiệp nhập khẩu phải mua với mức giá không thấp hơn mức giá sàn do EU quy định. Dựa vào những ưu đãi này, các nhà đầu tư đã nhanh chóng mở rộng diện tích mía đường ở Campuchia. Sản lượng đường xuất khẩu của Campuchia từ không đáng kể tăng lên gần 65.000 tấn, gần như toàn bộ xuất khẩu sang châu Âu. Sáng kiến Every thing But Arms của EU, từ thiện ý hỗ trợ các nước nghèo nhất, đã trở thành nguyên nhân kích thích mở rộng ngành mía đường tại Campuchia và những vi phạm về thu hồi đất đai và nhân quyền.

Trong khi đó, các NGO dựa vào tôn chỉ của Every thing but Arm đã khởi kiện công ty Tate and Lyle ở Anh, nêu rằng công ty đã vi phạm vấn đề nhân quyền – một giá trị phổ phát được EU đề cao. Bên cạnh đó, các NGO cũng tiếp cận Bon Sucro –tổ chức cấp chứng chỉ đối với sản phẩm đường bền vững (cũng tương tự như FSC về gỗ), yêu cầu Bon Sucro rút lại giấy chứng

nhận cho Tate and Lyle. Khi bị lên án, Tate and Lyle ngay lập tức phủ nhận toàn bộ mối liên hệ với cộng đồng bị ảnh hưởng ở Campuchia và nghĩa vụ bồi thường.

Năm 2010, American Sugar Refine mua lại công ty Tate and Lyle. Các NGO tiếp tục sử dụng hướng dẫn tự nguyện của OCED để yêu cầu American Sugar Refine có trách nhiệm đối với cộng đồng, song không có kết quả. Cộng đồng NGO quốc tế xây dựng một chiến dịch rộng rãi mang tên Clean Sugar Campaign để kêu gọi thế giới tẩy chay Tate and Lyle, chuỗi sản phẩm đường Domino của American Sugar Refine và thông tin rộng rãi về vụ việc trên trang web với đầy đủ thông tin về tiến trình và các công ty có dính líu.

Ngoài các công ty có tác động trực tiếp, NGO cũng tiếp cận các bên gián tiếp, đó là các quỹ và ngân hàng cung cấp vốn đầu tư cung cấp vốn đầu tư, tận dụng các chính sách an toàn của các định chế tài chính này để gây sức ép lên công ty KSL.

Qua đó, có thể thấy khi công ty tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, công ty sẽ chịu ảnh hưởng chi phối bởi rất nhiều mối quan hệ. Đối với các nhà hoạt động môi trường và XH, họ sẽ khai thác những mối quan hệ này để gây tác động lên doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp, họ phải định hình một cách tiếp cận bền vững, có tính đến quyền lợi và sự tham gia của cộng đồng. Nếu vấp phải những khiếu kiện kéo dài như trường hợp nêu trên, doanh nghiệp có thể sẽ không đủ nguồn lực để theo đuổi và tồn tại.

2.3 Dự phòng và xử lý khủng hoảng truyền thông

Chuyên gia: Ông Nguyễn Ngọc Long – Truyền thông Trắng Đen

Bình luận về KHTT gắn với vấn đề đất đai và đầu tư của doanh nghiệp: GS. TSKH. Đặng Hùng Võ và Bà Nguyễn Hoàng Phương.

Theo chia sẻ của chuyên gia Nguyễn Ngọc Long, "Khủng hoảng truyền thông là sự kiện xảy ra ngoài tầm kiểm soát khi xuất hiện thông tin gây bất lợi dẫn tới hậu quả xấu đột biến cho doanh nghiệp", trong đó nhấn mạnh các yếu tố: Ngoài tầm kiểm soát + Gây bất lợi + Hậu quả xấu đột biến.

Mầm mống của KHTT đến từ các thông tin gây bất lợi cho doanh nghiệp, có thể là: tin thất thiệt (không có thật), tin nói quá (có một phần sự thật) hoặc tin tiêu cực (tin có thật). KHTT khi xảy ra có thể gây hậu quả lớn cho doanh nghiệp. Các hậu quả thường thấy như: Ảnh hưởng doanh thu bán hàng tức thời, ảnh hưởng hình ảnh thương hiệu của công ty, hay sản phẩm - dịch vụ; tạo ra những rắc rối pháp lý cho doanh nghiệp và hoặc người đứng đầu; tạo ra làn sóng tẩy chay đồng loạt của khách hàng; ảnh hưởng đến giá trị cổ phiếu trên sàn chứng khoán; gây sụt giảm niềm tin từ đối tác, nhà đầu tư chiến lược thậm chí là nhân sự trong doanh nghiệp.

KHTT có 5 đặc điểm cơ bản. Doanh nghiệp cần nắm vững các đặc điểm này để có những kỹ năng và biện pháp can thiệp, thái độ phản ứng phù hợp.

Tính đa dạng: KHTT có thể xảy ra ở bất cứ khâu nào của quá trình SXKD, vì vậy doanh nghiệp cần dự phòng và diễn tập, giả định các tình huống và diễn tập ứng phó.

Tính leo thang: Các nguy cơ và hậu quả trở nên trầm trọng hơn do ban đầu không được nhìn nhận và đánh giá đúng mức. Khi đó, doanh nghiệp cần khoanh vùng khủng hoảng, khiến cho nó không được mở rộng và leo thang tiếp.

Gây hậu quả lớn: Khi gặp KHTT, doanh nghiệp dễ có tâm lý buông xuôi, cho rằng sự việc đáng nào cũng đã xảy ra nên không làm gì. Tuy nhiên, doanh nghiệp cần nhận thức được rằng hậu quả không chỉ là những gì xảy ra trước mắt mà còn để lại những hệ lụy sau này và trên nhiều khía cạnh, khó kiểm soát được. Vì vậy, nên đối diện với KHTT và tìm cách tháo gỡ, không nên buông xuôi.

Tác động lâu dài: Ngay cả khi khủng hoảng đã chấm dứt, tác động của nó vẫn còn tồn dư, vì vậy doanh nghiệp cần xem xét có hành động xử lý hậu khủng hoảng cho phù hợp.

Xáo trộn trong tổ chức: Sự xáo trộn này nhiều khi người trong cuộc không nhìn nhận ra hoặc khó có thể xử lý khách quan, Doanh nghiệp có thể phải tính đến việc nhờ cậy chuyên gia từ bên ngoài.

Xử lý KHTT gồm 3 nội dung lớn, Dự phòng, Xử lý và Tận dụng/Khai thác. Tầm quan trọng của các yếu tố này được chia theo tỉ lệ 80% - 15% - 5%

1. Dự phòng để tránh KHTT

Thay vì xác định sẽ xử lý khi có khủng hoảng truyền thông, chuyên gia cho rằng doanh nghiệp nên tiếp cận theo hướng “dự phòng và xử lý KHTT”, trong đó yếu tố dự phòng đã góp phần giải quyết được 80% vấn đề.

Thực tế cho thấy, khi gặp khủng hoảng, doanh nghiệp thường có tâm lý buông xuôi hoặc “giây giụa”, điều này dễ khiến cho khủng hoảng càng leo thang. Một số doanh nghiệp bình tĩnh hơn sẽ nhờ chuyên gia giải quyết. Song tốt hơn hết, doanh nghiệp nên dự phòng. Tầm quan trọng của dự phòng KHTT quan trọng y như việc ngừa không để một đám cháy xảy ra. Một khi KHTT đã xảy ra, diễn biến và hậu quả của nó tệ hại không kém một đám cháy. (*Truyền Thông Trắng Đen đã khai thác câu chuyện “phòng cháy, chữa cháy” để xây dựng nên bộ công cụ và những nguyên tắc xử lý KHTT đặc thù và riêng có, tham khảo trong tài liệu tập huấn*)

Trong “Dự phòng” KHTT, doanh nghiệp cần xác định những kênh truyền thông (cả kênh truyền và các mạng xã hội) có tác động và ảnh hưởng trong lĩnh vực của mình, chủ động thiết lập quan hệ. Doanh nghiệp cũng cần xây dựng nguồn chuyên gia trong ngành để tham khảo ý kiến và sử dụng tiếng nói của họ như một kênh khách quan khi cần thiết, đồng thời xây dựng quan hệ với các thủ lĩnh cộng đồng – những người có vai trò dẫn dắt công chúng trong mạng xã hội, để khai thác khi cần thiết.

Người phụ trách truyền thông cũng cần tích lũy hiểu biết và kinh nghiệm xử lý KHTT thông qua các câu chuyện đã xảy ra bên ngoài. Doanh nghiệp có thể chủ động cung cấp thông tin và viết bài PR trên báo chí. Tuy nhiên, trong tất cả các công cụ dự phòng, chủ động xây dựng chương trình Trách nhiệm XH doanh nghiệp (CSR) mới được coi là công cụ dự phòng hiệu quả và mạnh mẽ nhất.

Theo khảo sát của Nielsen (2014), 73% người Việt Nam trả lời sẵn sàng trả mức giá cao hơn cho công ty có uy tín về CSR. Doanh nghiệp cần coi việc đầu tư xây dựng CSR như một khoản đầu tư, tạo ra doanh thu, lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro cho doanh nghiệp, không nên coi đó đơn thuần là “trách nhiệm”.

Theo mô hình kim tự tháp của Carroll về CSR, 4 tầng trách nhiệm của doanh nghiệp, đi từ thấp đến cao gồm trách nhiệm về kinh doanh, pháp lý, đạo đức và thiện nguyện.

Trách nhiệm về hiệu quả kinh doanh được hiểu rộng, không chỉ là việc tạo ra doanh thu lợi nhuận, mà là trách nhiệm tổng hợp về nhân văn (vì con người) + môi trường bền vững + tài năng (tính ưu việt/sáng tạo). Thông điệp truyền thông của doanh nghiệp phải thể hiện được ba yếu tố này.

Trách nhiệm tuân thủ luật pháp gồm rất nhiều yếu tố, tuy nhiên được nhóm lại trong 3 cột trụ: trách nhiệm trong chuỗi cung ứng, đảm bảo điều kiện lao động, tuân thủ luật định. Ngoài hệ thống báo cáo, kiểm soát nội bộ, phòng pháp chế, cử nhân viên phụ trách CSR, doanh nghiệp cần xây dựng một cơ chế tiếp nhận báo cáo vi phạm.

Tham khảo: Theo quy định của các doanh nghiệp lớn kinh doanh sản phẩm (săm lốp) từ cao su thiên nhiên như Goodyear, Bridgestone, các nhà cung cấp của họ phải đảm bảo là nguồn cung hợp pháp (về đất đai, về vốn và tài sản...), có thể truy xuất nguồn gốc, không liên quan đến phá rừng. Hiện tại, hiệp hội cao su đang dịch các tài liệu này và phổ biến đến tập đoàn và các doanh nghiệp cao su.

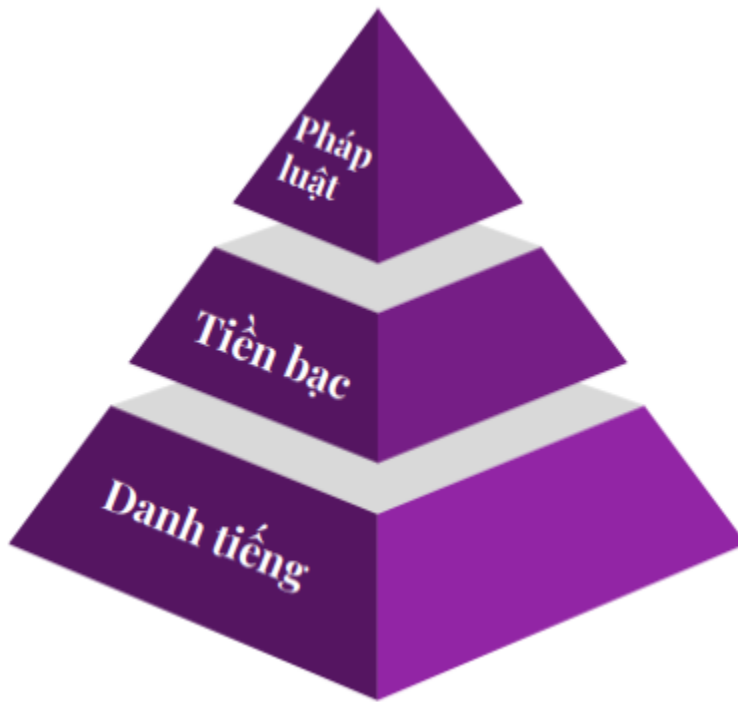
Trách nhiệm đạo đức kinh doanh: Khảo sát của ĐH Havard cho thấy những doanh nghiệp chú trọng đạo đức kinh doanh đã tăng được thu nhập gần 700%, nâng cao đáng kể giá trị của cổ phiếu và lãi ròng. Yếu tố này cũng cần được coi là việc nên làm và phải làm, không nên nặng nề chữ “trách nhiệm. ”, trong đó đề cao 3 vấn đề: tính trung thực, tôn trọng con người và trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

Trách nhiệm thiện nguyện rất dễ bị doanh nghiệp hiểu theo nghĩa hẹp, chỉ là làm từ thiện. Hay nói cách khác, làm từ thiện là làm CSR. Thực tế, trách nhiệm này rộng hơn rất nhiều, và có rất nhiều hướng khai thác. Việc thiện nguyện thực chất là phục vụ chính doanh nghiệp, làm thỏa mãn tâm lý của doanh nghiệp. Mặc dù vậy, việc “tiêu tiền thiện nguyện” cũng cần thận trọng, có chiến lược và thực sự có ý nghĩa.

Thực hành: Doanh nghiệp chia nhóm, thực hành các bài tập về xác định rủi ro truyền thông, xây dựng thông điệp truyền thông phản ánh trách nhiệm hiệu quả kinh doanh.

2. Xử lý khủng hoảng truyền thông

Trước khi quyết định có hay không can thiệp vào xử lý KHTT, doanh nghiệp cần nhìn nhận mức độ leo thang của KHTT, xem sự cố đang gây tác động vào danh tiếng, doanh thu hay khía cạnh pháp luật.



Các mức độ leo thang khủng hoảng truyền thông

Hàng loạt câu hỏi có thể đặt ra để xác định mức độ leo thang như: Ảnh hưởng doanh thu bán hàng tức thời? Ảnh hưởng hình ảnh thương hiệu của công ty, hay sản phẩm - dịch vụ? Tạo ra những rắc rối pháp lý cho doanh nghiệp và hoặc người đứng đầu? Tạo ra làn sóng tẩy chay đồng loạt của khách hàng? Ảnh hưởng đến giá trị cổ phiếu trên sàn chứng khoán? Gây sụt giảm niềm tin từ đối tác, nhà đầu tư chiến lược thậm chí là nhân sự trong doanh nghiệp?

Xử lý KHTT được Truyền thông Trắng Đen xây dựng trên 3 trụ cột: Tề gia – Trị Quốc – Bình Thiên Hạ.

Tề Gia nghĩa là doanh nghiệp cần truyền thông trước hết trong nội bộ, với cổ đông và những người liên quan trực tiếp, thông tin/thông báo sự việc ở mức độ cần thiết.

Trị Quốc hay nói cách khác doanh nghiệp cần có cán bộ/đại diện phát ngôn và phát ngôn nhất quán, thẳng thắn và không vòng vo, né tránh. Cán bộ phụ trách phát ngôn cần nắm chắc sự việc, biết rõ đâu là “tâm đấm cháy”, trong khi trả lời phỏng vấn (thường là rất dễ bị hỏi xoáy, hỏi dồn) có thể trả lời lệch trọng tâm một cách cố ý hoặc thực hiện quyền im lặng. Đặc biệt, phải đủ khéo léo và tinh ý để không phát sinh thêm những tình tiết mới làm bùng lên dư luận/thắc mắc.

Bình Thiên Hạ là việc đưa thông tin về một mối để có thể kiểm soát, không mở nhiều kênh gây nhiễu loạn. Nguyên tắc trong xử lý KHTT là “nhà cháy còn cột, không buông xuôi”

KHTT kết thúc không có nghĩa mọi việc đã xong xuôi. Doanh nghiệp cần thực hiện việc thanh tẩy các thông tin tiêu cực, triển khai các chiến dịch truyền thông mới lấy lại hình ảnh/thiện cảm, và nói rõ lại sự việc ở một thời điểm phù hợp. Những công việc này được chuyên gia dùng thuật ngữ “Hốt sạch tro tàn” sau đấm cháy.

Học viên thực hành xây dựng kịch bản trấn an nội bộ và phát ngôn nhất quán.

3. Tận dụng và khai thác khủng hoảng truyền thông

Nội dung này chỉ chiếm 5% tầm quan trọng trong xử lý KHTT, tuy nhiên, cũng cần được doanh nghiệp quan tâm. Doanh nghiệp có thể xây dựng những câu chuyện truyền thông nói về sự thay đổi, diện mạo mới của chính mình....sau khi KHTT đã qua đi.

2.3 Thảo luận kế hoạch tiếp theo

PanNature và doanh nghiệp thảo luận sơ bộ công việc đang triển khai và kế hoạch hợp tác sắp tới, áp dụng kết quả hai cuộc tập huấn vào chương trình thí điểm hướng dẫn MTXH tự nguyện và kiểm soát rủi ro của doanh nghiệp. Nội dung cụ thể sẽ được các bên trao đổi trong các cuộc họp bàn trong tháng 8 và 9/2018.

Phụ lục 1:

CHƯƠNG TRÌNH TẬP HUẤN

RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ LIÊN QUAN ĐẾN ĐẤT ĐAI: NHẬN DIỆN RỦI RO, CƠ CHẾ

PHÒNG NGỪA, KHẮC PHỤC VÀ XỬ LÝ KHỦNG HOẢNG

Thời gian	Hoạt động
Ngày 19.07	Nhận diện rủi ro liên quan đến đất đai
08:30 – 08:45	Đăng ký đại biểu <i>Trung tâm Con người và Thiên nhiên</i>
08:45 – 09:00	Phát biểu chào mừng và Giới thiệu Chương trình <i>Đại diện Hiệp hội Cao su Việt Nam</i> <i>Trung tâm Con người và Thiên nhiên</i>
Phần 1	Nhận diện rủi ro đất đai
09:00 – 09:30	Quyền đất đai: nhìn từ góc độ so sánh pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế <i>GS. TSKH. Đặng Hùng Võ – Nguyên Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</i>
09:30 – 10:00	Gốc rễ của tranh chấp đất đai nhìn từ kinh nghiệm quốc tế và Việt Nam <i>TS. Huỳnh Thế Du – Giám đốc Đào tạo, Đại học Fulbright Việt Nam</i>
10:00 – 10:15	Tiệc trà
10:15 – 10:45	Rủi ro đất đai nhìn từ cách tiếp cận Kinh doanh và Nhân quyền <i>Nguyễn Hoàng Phương – Trung tâm Con người và Thiên nhiên</i>
10:45 – 12:00	Đối thoại “Đất đai và rủi ro cho doanh nghiệp có đầu tư liên quan đến đất đai” Chuyên gia: <i>GS. TSKH. Đặng Hùng Võ</i> <i>TS. Huỳnh Thế Du</i> Đẫn chương trình: <i>Bà Nguyễn Hoàng Phương</i>
12:00 – 13:30	Ăn trưa
Phần 2	Quản lý và xử lý rủi ro
13:30 – 17:30	Dự phòng Khủng hoảng truyền thông <i>Ông Nguyễn Ngọc Long, Sáng lập Truyền thông Trắng Đen.</i> Bài tập nhóm số 1: Đánh giá rủi ro truyền thông liên quan đến đất đai của dự án
Ngày 20.07	Xây dựng giải pháp
08:30 – 09:00	Trò chơi khởi động
09:00 – 12:00	Xử lý khủng hoảng truyền thông - Các nguyên tắc xử lý khủng hoảng; - Diễn tập xử lý khủng hoảng <i>Ông Nguyễn Ngọc Long, Sáng lập Truyền thông Trắng Đen.</i>
12:00 – 13:30	Ăn trưa
13:30 – 13:45	Trò chơi khởi động
13:45 – 16:30	Bài tập nhóm 2:

	<i>Xây dựng kế hoạch giảm thiểu rủi ro và xử lý khủng hoảng liên quan đến đất đai</i>
16:30 – 17:00	Thảo luận kế hoạch tiếp theo – Tổng kết

Phụ lục 2:

Danh sách tham gia tập huấn

STT	Họ và tên	Cơ quan
1.	Ông Vũ Đình Tích	Hội phát triển hợp tác Việt Nam - Lào - Campuchia (VILACEAD)

2.	Ông Đặng Hùng Võ	Nguyên Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường
3.	Ông Huỳnh Thế Du	Giảng viên Trường Chính sách công và Quản lý thuộc Đại học Fulbright Việt Nam
4.	Ông Nguyễn Hoàng Long	Sáng lập Truyền thông Trắng Đen
5.	Ông Nguyễn Xuân Khánh	Truyền thông Trắng Đen
6.	Ông Diệp Xuân Trường	Chuyên viên Ban Công nghiệp, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
7.	Bà Lê Mai Phương	Ban Kế hoạch và Đầu tư, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
8.	Ông Nguyễn Ngọc Khiêm	Ban Quản lý Kỹ thuật, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
9.	Bà Trần Thị Thúy Hoa	Trưởng ban Tư vấn Phát triển ngành cao su, Hiệp hội Cao su Việt Nam
10.	Bà Nguyễn Ngọc Thúy	Chuyên viên phụ trách công tác Thông tin, Hiệp hội Cao su Việt Nam
11.	Ông Phạm Trường Sang	Phó Tổng giám đốc Công ty Quasa Geruco
12.	Ông Hồ Đức Lập	Trưởng Ban Kiểm soát, Công ty Quasa Geruco
13.	Ông Phan Hồng An	Trưởng phòng KH-XDCB, Công ty Quasa Geruco
14.	Ông Hoàng Công Hoài	Trưởng phòng TC - HC, Công ty Quasa Geruco
15.	Ông Văn Đức Thuận	Phó Chủ tịch Công đoàn, Công ty Quasa Geruco
16.	Ông Hoàng Nhật Viên	Trưởng phòng TCHC - LĐTL, Công ty TNHH PT Cao su Krông Buk - Ratanakiri
17.	Ông Hồ Duy Linh	Phó TGD, Công ty TNHH PT Cao su Krông Buk - Ratanakiri
18.	Ông Trần Văn Duy	Phó phòng KH - XDCB, Công ty TNHH PT Cao su Krông Buk - Ratanakiri
19.	Ông Nguyễn Việt Tượng	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk (DRI)
20.	Ông Lưu Hữu Lâm	Giám đốc Công ty Nông nghiệp CNC - DRI
21.	Ông Trịnh Văn Pháp	Phó phòng KTSX Công ty TNHH cao su Đắk Lắk tại Lào
22.	Ông Vũ Văn Bình	Công ty VKETI
23.	Ông Hồ Đặng Gia Phú	Công ty Đồng Nai Kratie
24.	Bà Đỗ Thị Hải Linh	Trung tâm Con người và Thiên Nhiên
25.	Bà Nguyễn Hoàng Phượng	Trung tâm Con người và Thiên Nhiên
26.	Bà Phạm Thị Huyền	Trung tâm Con người và Thiên Nhiên